

BIỂU 01. TỔNG HỢP GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN**Công trình: Đường Pá Tuồng - Phai Lừa, xã Đồng Giáp, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn***(Kèm theo Quyết định số 2606 /QĐ-UBND, ngày 20 /9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)**Đơn vị tính : đồng*

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd	(1+2)	4.275.660.909	427.566.091	4.703.227.000
1	Hạng mục 01: Quyết toán khối lượng được nghiệm thu theo Hợp đồng số: 03/2022/HĐ-XD ngày 08/3/2022		Có bảng tính	4.131.531.818	413.153.182	4.544.685.000
2	Hạng mục 02: Quyết toán khối lượng phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số: 03A/PL-HĐXD ngày 06/01/2023		Có bảng tính	144.129.091	14.412.909	158.542.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	Giá trị đề nghị QT	159.142.000		159.142.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	(1+2+3+4)	358.836.727	22.746.273	381.583.000
1	Chi phí tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, lập BC KTKT		BB nghiệm thu, QT A-B ngày 24/12/2021	212.700.909	21.270.091	233.971.000
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu		BB nghiệm thu, QT A-B ngày 28/02/2022	14.761.818	1.476.182	16.238.000
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng		Tự thực hiện	131.374.000		131.374.000
IV	Chi phí khác	Gk	(1+2+3+4+5+6)	47.782.000	0	47.782.000
1	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT, điều chỉnh		Theo giá trị đề nghị QT	11.468.000		11.468.000
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		Theo giá trị đề nghị QT	4.266.000		4.266.000
4	Phí bảo vệ môi trường		Theo giá trị đề nghị QT	15.050.000		15.050.000
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan Nhà nước		Theo giá trị đề nghị QT	3.200.000		3.200.000
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (NĐ99/2021/NĐ-CP)		G _{QT} * hệ số NĐ 99 * 50%	13.798.000		13.798.000
	TỔNG CỘNG		Gxd+Gqlda+Gtv+Gk	4.841.421.636	450.312.364	5.291.734.000

(Năm tỷ hai trăm chín mươi một triệu bảy trăm ba mươi năm nghìn đồng)./.

BIỂU 02. TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**Công trình: Đường Pá Tuồng - Phai Lừa, xã Đồng Giáp, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn***(Kèm theo Quyết định số 2606 /QĐ-UBND, ngày 20 /9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)*

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
	Tổng số		5.291.734.000	5.258.878.000	44.060.000	11.204.000	
I	Chi phí xây dựng		4.703.227.000	4.714.431.000	0	11.204.000	
1	Công ty TNHH 8888 LS	Chi phí xây dựng	4.703.227.000	4.714.431.000		11.204.000	
II	Chi phí QLDA		159.142.000	152.562.000	6.580.000	0	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quản lý dự án	159.142.000	152.562.000	6.580.000		
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		381.583.000	376.151.000	5.432.000	0	
1	Công ty cổ phần xây dựng 10A	Chi phí tư vấn Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	233.971.000	233.972.000	-1.000		
2	Công ty TNHH MTV xây dựng Anh Minh 18	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	16.238.000	16.238.000	0		
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Tư vấn giám sát thi công	131.374.000	125.941.000	5.433.000		
IV	Chi phí khác		47.782.000	15.734.000	32.048.000	0	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện		14.668.000	11.468.000	3.200.000	0	
a		<i>Chi phí thẩm định báo cáo KTKT, điều chỉnh</i>	<i>11.468.000</i>	<i>11.468.000</i>	<i>0</i>		
b		<i>Kiểm tra điều kiện nghiệm thu</i>	<i>3.200.000</i>		<i>3.200.000</i>		
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	4.266.000	4.266.000	0		
3	Cơ quan thuế	Phí bảo vệ môi trường	15.050.000		15.050.000		
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (NĐ99/2021/NĐ-CP)	13.798.000		13.798.000		